

Bài 1. (4 điểm)

- a) Tìm 3 số dương a, b, c thỏa mãn : $\frac{a^2 + 7}{4} = \frac{b^2 + 6}{5} = \frac{c^2 + 3}{6}$ và $a^2 + 2c^2 = 3c^2 + 19$
b) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $P = x^4 + 2x^3 + 3x^2 + 2x + 1$

Bài 2. (3 điểm)

Để tham gia ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, trường A đã nhận được một số chiếc áo và chia đều cho các lớp. Biết rằng theo thứ tự, lớp thứ nhất nhận được 4 áo và $\frac{1}{9}$ số còn lại, rồi đến lớp thứ n ($n = 2; 3; 4; \dots$) nhận được $4n$ áo và $\frac{1}{9}$ số áo còn lại. Cứ như thế các lớp đã nhận hết số áo

Hỏi trường A đã nhận được bao nhiêu chiếc áo ?

Bài 3. (3 điểm)

Tìm tất cả các số nguyên dương n để $(1 + n^{2017} + n^{2018})$ là số nguyên tố

Bài 4. (3 điểm)

Một giải bóng chuyền có 9 đội bóng tham gia thi đấu vòng tròn 1 lượt (hai đội bất kỳ chỉ thi đấu với nhau 1 trận). Biết đội thứ nhất thắng a_1 trận và thua b_1 trận, đội thứ 2 thắng a_2 trận và thua b_2 trận, ..., đội thứ 9 thắng a_9 trận và thua b_9 trận.

Chứng minh rằng $a_1^2 + a_2^2 + a_3^2 + \dots + a_9^2 = b_1^2 + b_2^2 + b_3^2 + \dots + b_9^2$

Bài 5. (5 điểm)

Cho đoạn thẳng AB dài a (cm). Lấy điểm C bất kỳ thuộc đoạn thẳng AB (C khác A và B). Vẽ tia Cx vuông góc với AB . Trên tia Cx lấy hai điểm D và E sao cho $CD = CA$ và $CE = CB$.

- Chứng minh AE vuông góc với BD
- Gọi M và N lần lượt là trung điểm của AE và BD . Tìm vị trí của điểm C trên đoạn thẳng AB để đa giác $CMEDN$ có diện tích lớn nhất
- Gọi I là trung điểm của MN . Chứng minh rằng khoảng cách từ I đến AB không phụ thuộc vào vị trí điểm C

Bài 6. (2 điểm)

Hình vuông có 3×3 ô (như hình bên), chứa 9 số mà tổng các số ở mỗi hàng, mỗi cột, mỗi đường chéo bằng nhau được gọi là hình vuông kỳ diệu. Chứng minh rằng số ở tâm (\times) của một hình vuông kỳ diệu bằng trung bình cộng của hai số còn lại cùng hàng, hoặc cùng cột, hoặc cùng đường chéo.

	x	

ĐÁP ÁN

Bài 1.

a) Từ giả thiết $a^2 + 2c^2 = 3b^2 + 19 \Rightarrow a^2 + 2c^2 - 3b^2 = 19$

$$\text{Ta có: } \frac{a^2 + 7}{4} = \frac{b^2 + 6}{5} = \frac{c^2 + 3}{6} = \frac{3b^2 + 18}{15} = \frac{2c^2 + 6}{12} = \frac{a^2 + 7 + 2c^2 + 6 - 3b^2 - 18}{4 + 12 - 15} = \frac{14}{1} = 14$$

$$a^2 = 49 \Rightarrow a = 7$$

$$b^2 = 64 \Rightarrow b = 8$$

Suy ra : $c^2 = 81 \Rightarrow c = 9$

b)

$$P = x^4 + 2x^3 + 3x^2 + 2x + 1 = (x^4 + 2x^2 + 1) + (2x^3 + 2x) + x^2$$

$$= (x^2 + 1)^2 + 2x(x^2 + 1) + x^2 = (x^2 + x + 1)^2$$

$$\text{Vì } x^2 + x + 1 = \left(x^2 + 2x \cdot \frac{1}{2} + \frac{1}{4}\right) + \frac{3}{4} = \left(x + \frac{1}{2}\right)^2 + \frac{3}{4} \geq \frac{3}{4} \Rightarrow P \geq \left(\frac{3}{4}\right)^2 = \frac{9}{16}$$

$$\text{Dấu "=" xảy ra } \Leftrightarrow x = -\frac{1}{2}$$

Bài 2.

Gọi số lớp của trường A được nhận áo là x

Vì lớp thứ x nhận áo cuối cùng và số áo được phát hết nên số áo lớp thứ x nhận được là $4x$.

$$\text{Lớp thứ } x - 1 \text{ nhận số áo là } 4(x - 1) + \frac{1}{8} \cdot 4x = 4,5x - 4$$

Vì số áo các lớp nhận được như nhau nên ta có phương trình:

$$4,5x - 4 = 4x \Leftrightarrow x = 8$$

Suy ra số áo mỗi lớp nhận được: $4 \cdot 8 = 32$ (áo)

Suy ra số áo trường A nhận được: $32 \cdot 8 = 256$ (áo)

Bài 3. Đặt: $A = 1 + n^{2017} + n^{2018}$

Với $n = 1$ thì $A = 3$ là số nguyên tố

Với $n > 1$, ta có:

$$\begin{aligned}1 + n^{2017} + n^{2018} &= (n^{2018} - n^2) + (n^{2017} - n) + (n^2 + n + 1) \\ &= n^2(n^{2016} - 1) + n(n^{2016} - 1) + (n^2 + n + 1) = (n^{2016} - 1)(n^2 + n) + (n^2 + n + 1)\end{aligned}$$

Ta lại có:
$$n^{2016} - 1 = (n^3)^{672} - 1 = (n^3 - 1) \left[(n^3)^{671} + (n^3)^{670} + \dots + n^3 + 1 \right] : (n^3 - 1)$$

$$\Rightarrow (n^{2016} - 1) : (n^2 + n + 1) \text{ . Suy ra } A : (n^2 + n + 1), \text{ mà } 1 < n^2 + n + 1 < A \text{ nên } A \text{ là hợp số.}$$

Vậy $n = 1$ là số nguyên dương duy nhất thỏa mãn điều kiện

Bài 4.

Mỗi đội bóng thi đấu với 8 đội bóng khác và hai đội bất kỳ chỉ gặp nhau 1 trận nên mỗi đội sẽ thi đấu 8 trận $\Rightarrow a_i + b_i = 8$ (với $i = 1, 2, 3, \dots, 8$)

Đẳng thức cần chứng minh tương đương với:

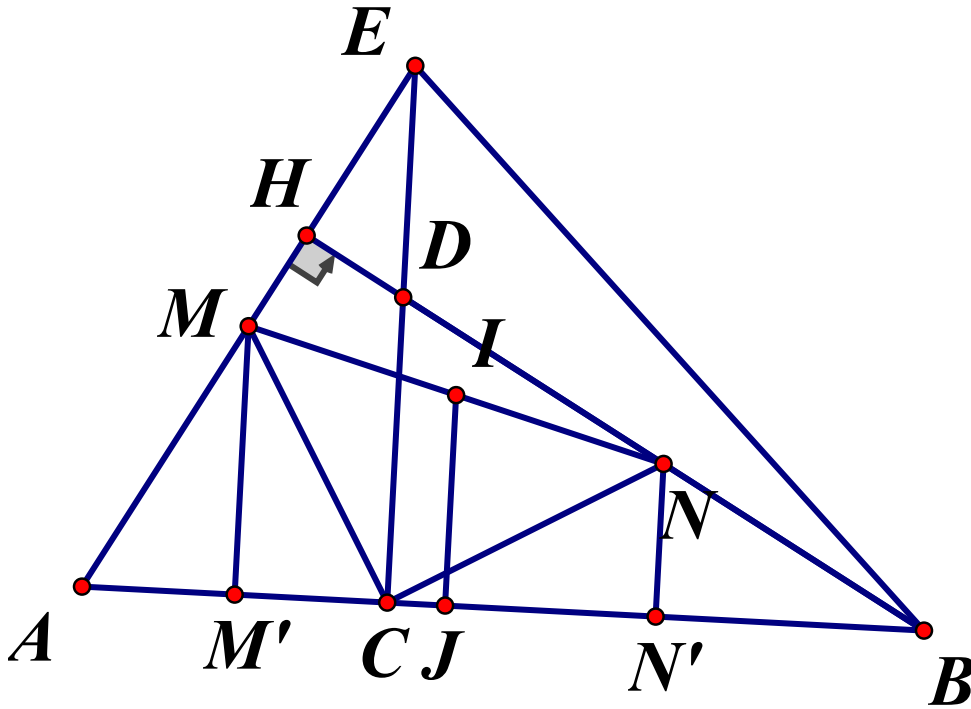
$$\begin{aligned}a_1^2 + a_2^2 + a_3^2 + \dots + a_9^2 &= (8 - a_1)^2 + (8 - a_2)^2 + (8 - a_3)^2 + \dots + (8 - a_9)^2 \\ \Leftrightarrow 16(a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_9) &= 576(1)\end{aligned}$$

Mặt khác, tổng số trận thắng của các đội bằng tổng số trận đấu nên :

$$a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_9 = \frac{9 \cdot 8}{2} = 36(2)$$

Từ (1) và (2) suy ra đpcm

Bài 5.



a) Gọi H là giao điểm của BD và AE

$$\triangle ACE = \triangle DCB (c.g.c) \Rightarrow \hat{E} = \hat{B}$$

Suy ra $\triangle DHE \sim \triangle DCB (g.g) \Rightarrow \hat{DHE} = \hat{CDB} = 90^\circ$

b) Ta có:
$$S_{CMEDN} = S_{CME} + S_{CDN} = \frac{1}{2}S_{ACE} + \frac{1}{2}S_{BCD} = \frac{1}{4}.AC.CE + \frac{1}{4}.CB.CD = \frac{1}{2}.AC.CB$$

Mặt khác, theo bất AM-GM ta có:
$$AC.CB \leq \frac{(AC + CB)^2}{4} = \frac{a^2}{4}$$

Suy ra $S_{CMEDN} \geq \frac{a^2}{8}$. Dấu "=" xảy ra khi và chỉ khi $AC = CB$ hay C là trung điểm AB

c) Gọi J, M', N' lần lượt là hình chiếu vuông góc của I, M, N lên AB

Ta có: IJ là đường trung bình của hình thang $MNN'M'$ nên
$$IJ = \frac{MM' + NN'}{2} \quad (1)$$

Ta lại có MM' là đường trung bình của $\triangle ACE$ và NN' là đường trung bình $\triangle BCD$ nên

$$MM' = \frac{CE}{2} = \frac{CB}{2} \quad \text{và} \quad NN' = \frac{CD}{2} = \frac{AC}{2} \quad (2)$$

$$IJ = \frac{\frac{AC}{2} + \frac{CB}{2}}{2} = \frac{AB}{4} = \frac{a}{4}$$

Từ (1) và (2) suy ra

Vậy khoảng cách của điểm I đến đoạn AB không phụ thuộc vào vị trí của điểm C .

Bài 6.

Giả

a	b	c
d	e	f
g	h	i

sử hình vuông kỳ diệu điền các số $a, b, c, d, e, f, g, h, i$ như hình vẽ

Đặt

$$S = a + b + c + d + e + f + g + h + i$$

Suy ra

$$d + e + f = b + e + h = a + e + i = c + e + g = \frac{S}{3} \quad (1)$$

Suy ra

$$(d + e + f) + (b + e + h) + (a + e + i) + (c + e + g) = \frac{4S}{3}$$

$$\Rightarrow (d + e + f) + (b + e + h) + (a + e + i) + (c + e + g) = \frac{4S}{3}$$

$$\Rightarrow S + 3e = \frac{4S}{3} \Rightarrow e = \frac{S}{9} \quad (2)$$

Từ (1) và (2)

$$\Rightarrow d + f = b + h = a + i = c + g = \frac{2S}{9} = 2e \text{ (đpcm)}$$